

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định thông tư số 04/2012/TT-BCT

Trang 1/8

## Columbiã CNA Agã

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-08-29

### Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

#### 1.1 Định dạng sản phẩm

Tên sản phẩm	Columbiã CNA Agã
Số Danh Mục	NCM0115, 400000815, 700003296, 700003297, 700003298

#### 1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	[SU3] Sử dụng trong công nghiệp: Sử dụng các chất như vậy hoặc trong các chế phẩm tại các khu công nghiệp; [PC21] Hóa chất phòng thí nghiệm; [PROC15] Dùng làm thuốc thử trong phòng thí nghiệm;
Hình thù	Được thiết kế để sử dụng trong phần tích thông thường, bảo gồm kiểm soát và giám sát chất lượng. Chỉ sử dụng trong ống nghiệm.

#### 1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty:	Neogen Corporation
Địa chỉ nhà	620 Leshler Place Lansing MI 48912 USA
Web	www.neogen.com
Điện thoại:	517-372-9200/800-234-5333
Địa chỉ email:	SDS@neogen.com

#### 1.4 Điện thoại khẩn cấp

	24 giờ: Y tế: 1-800-498-5743 (Mỹ và Canada) hoặc 1-651-523-0318 (quốc tế) Trần/CHEMTREC: 1-800-424-9300 (Hoà Kỳ và Canada) hoặc 1-703-527-3887 (quốc tế)
--	--

### Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

#### 2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

2.1.2. Phân loại (Quy định số GHS)	Dựa trên dữ liệu có sẵn, sản phẩm này không được phân loại là nguy hiểm.
------------------------------------	--

#### 2.2 Các yếu tố nhãn

Cảnh báo nguy hiểm	Không có mối nguy hiểm đáng kể
--------------------	--------------------------------

#### 2.3 Các nguy cơ khác

Các dấu hiệu nguy hiểm khác	Bụi có thể gây khó chịu nếu hít phải.
-----------------------------	---------------------------------------

### Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

#### 3.2 Hỗn hợp

## Columbiã CNA Agã

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-08-29

## 3.2 Hỗn hợp

EC 1272/2008

Tên hóa học	Chỉ số	Số CAS	Số EC	Số REACH	Nồng độ %	Phần loại
Stãrch, soluble		9005-25-8	232-679-6		1 - 10%	

## Hình thề

	Không có thành phần cần phải được tiết lộ theo các quy định hiện hành. Nồng độ được liệt kê không phải là thông số kỹ thuật sản phẩm.
--	---

## đặc điểm hạt

	Không có thông tin.
--	---------------------

## Thông tin khác

	Toàn văn Tuyên bố về mối nguy được liệt kê trong Phần này được cung cấp trong Phần 16.
--	--

## Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

## 4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

<b>Sãu khì hít phải:</b>	Di chuyển người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nếu ngừng thở, cung cấp hô hấp nhân tạo. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
<b>Sãu khì tiếp xúc với mắt</b>	Rũã sạch ngay với nhiều nước. Kính áp tròng nên được loại bỏ. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
<b>Trong trường hợp tiếp xúc với da</b>	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn. Rũã bằng xà phòng và nước. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
<b>Nếu nuốt phải:</b>	Không gây nôn trừ khi được trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ yêu cầu làm như vậy. Rũã miệng thật kỹ. Không bảo giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Được tư vấn y tế / chú ý nếu bạn cảm thấy không khỏe.

## 4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

<b>Sãu khì hít phải:</b>	Có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp.
<b>Sãu khì tiếp xúc với mắt</b>	Có thể gây kích ứng cho mắt.
<b>Trong trường hợp tiếp xúc với da</b>	Có thể gây kích ứng cho da.
<b>Nếu nuốt phải:</b>	Ăn vào có thể gây buồn nôn và nôn.

## 4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Chuyển đến bệnh viện nếu có bông hoặc triệu chứng ngộ độc. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại. Nếu cần tư vấn y tế, có hộp đựng sản phẩm hoặc nhãn trong tay.
--	--

## Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

## 5.1 Các phương tiện chữa cháy

	Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
--	--

## 5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

	Tránh hình thành bụi. Không cho phép sản phẩm không phải loãng được xả vào nước ngầm, dòng nước hoặc hệ thống nước thải.
--	--

## 5.3 Lợi khuyền dành cho lính cứu hỏa

	Không hít bụi hoặc hơi. Mặc thiết bị thở độc lập và quần áo bảo vệ hóa học.
--	---

## Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

## 6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

## Columbiã CNA Agã

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-08-29

## 6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

	Tránh hình thành bụi. Sử dụng kỹ thích hợp: Thiết bị bảo vệ, quần áo bảo hộ. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
--	---

## 6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

	Ngăn chặn sự cố tràn thềm nếu an toàn. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không xả vào nước mặt. Đùng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.
--	--

## 6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch

	Tránh hình thành bụi. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải.
--	--

## 6.4 Xem các mục khác

	Xem Phần (2, 8, 13) để biết thêm thông tin.
--	---

## Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

## 7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hoá chất

	<p>Áp dụng các cảnh nhắc Xử lý thủ công tốt nhất kỹ xử lý, mùng và phá chế. Tránh tiếp xúc với mắt. Không ăn, uống hoặc hút thuốc ở những khu vực sử dụng hoặc bảo quản sản phẩm này. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Sử dụng kỹ thích hợp: quần áo bảo hộ.</p> <p>Đọc toàn bộ nhãn và làm theo tất cả các hướng dẫn sử dụng, hạn chế và biện pháp phòng ngừa.</p>
--	--

## 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bảo gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

	<p>Bảo quản ở nhiệt độ giữa 2 ° C và 30 ° C. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.</p> <p>Lưu trữ trong các thùng chứa có nhãn chính xác. Giữ kín thùng chứa. Tránh ẩm. Không làm ô nhiễm nước, thực phẩm hoặc thức ăn bằng cách lưu trữ hoặc xử lý.</p>
--	--

## 7.3 Sử dụng cụ thề


	Xem Phần (1.2) để biết thêm thông tin.
--	--

## Thông tin khác

	Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin.
--	--

## Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

## 8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

	
8.2.1. Các biện pháp kỹ thuật	Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.
8.2.2. Các biện pháp bảo hộ cá nhân	Sử dụng kỹ thích hợp: Thiết bị bảo vệ.
Bảo vệ mắt/mặt	Sử dụng kỹ thích hợp: Bảo vệ mắt/mặt.
Bảo vệ tay	Sử dụng kỹ thích hợp: Găng tay chống hoá chất làm bằng bất kỳ vật liệu chống thấm nào. Rửa bên ngoài găng tay trước khi tháo chúng ra.
Thiết bị bảo hộ khác	Sử dụng kỹ thích hợp: quần áo bảo hộ. Rửa quần áo bị ô nhiễm, tách biệt với các loại Giặt khác, với chất tẩy rửa và nước trước khi tái sử dụng.
Bảo vệ hô hấp	Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hô hấp thích hợp. Bụi có thể gây khó chịu nếu hít phải.
Kiểm soát phơi nhiễm nghề nghiệp	Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Bảo vệ quần áo khỏi tiếp xúc với sản phẩm. Cung cấp hoá chất tẩy. Cung cấp trạm rửa mắt.

## Thông tin khác

## Columbiã CNA Agã

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-08-29

## Thông tin khác

Thảm khảo nhãn sản phẩm để biết thêm các yêu cầu và khuyến nghị PPE. Thực hiện theo các hướng dẫn nhãn.

## Phần 9. Các tính chất vật lý và hoá học

## 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học

Hình thể	Bột
Màu sắc	Be
Mùi đặc trưng	Đặc điềm
Ngưỡng mùi	Không có thông tin
Độ pH	7.1 - 7.5
Điềm nóng chảy	Không có thông tin
Điềm đóng băng	Không có thông tin
Điểm sôi ban đầu	Không có thông tin
Điềm chớp cháy	Không áp dụng được
Tỷ lệ hoá hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không áp dụng được
Áp suất hoá hơi	Không có thông tin
Mật độ hơi tương đối	Không có thông tin
Mật độ / Mật độ tương đối	Không có thông tin
Hệ số phần tán	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không áp dụng được
Độ nhớt, động lực	Không áp dụng được
Đặc tính cháy nổ	Không áp dụng được
Đặc tính oxy hoá	Không áp dụng được
Tính tan trong nước	Hoà tan trong nước

## 9.2 Các dữ liệu khác

Tính dẫn	Không có thông tin
Sức căng bề mặt	Không áp dụng được
Nhóm khí	Không có thông tin
Hàm lượng benzen	Không có thông tin
Nội dung dẫn đầu	Không có thông tin
VOC (Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi)	Không có thông tin

## Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

## 10.1 Khả năng phản ứng

Ổn định trong điều kiện bình thường.

## 10.2 Tính ổn định hoá học

Ổn định trong điều kiện bình thường.

## 10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Trong các điều kiện quy định, các phản ứng nguy hiểm dẫn đến nhiệt độ hoặc áp suất quá mức không được mong đợi.

## 10.4 Các điều kiện cần tránh

Tránh xa nhiệt độ cực đoan. Tránh ẩm. Bảo vệ từ ánh sáng mặt trời.

## 10.5 Các vật liệu xung khắc

Không có thông tin.

## Columbia CNA Aggr

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-08-29

## 10.6 Các sản phẩm phần hủy nguy hiểm

Ôxít carbon.

## Phần 11. Thông tin độc học

## 11.1 Thông tin về các loại nguy hiểm

<b>Ngộ độc cấp tính</b>	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các triệu chứng phần loại không được đáp ứng.
<b>Ăn mòn / kích ứng da</b>	Có thể gây kích ứng cho da.
<b>Tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng</b>	Có thể gây kích ứng cho mắt.
<b>Nhạy cảm</b>	Có thể gây ra phản ứng dị ứng ở những người nhạy cảm.
<b>Biến đổi tế bào gốc</b>	Không có tác dụng gây đột biến được báo cáo.
<b>Độc tính gây ung thư</b>	Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong hội nghị Hoả Hygienists của chính phủ công nghiệp (ACGIH) hướng dẫn về các giá trị phơi nhiễm nghề nghiệp. Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong cơ quan quốc tế nghiên cứu về ung thư (IARC) chuyền khảo. Không có thành phần lớn hơn 0,1% được liệt kê trong chương trình độc quốc gia (NTP) báo cáo về chất gây ung thư. Không được liệt kê trong tiêu chuẩn OSHA 1910.1003 Chất gây ung thư.
<b>Độc tính đối với sinh sản</b>	Không có tác dụng gây quái thai báo cáo.
<b>Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể -phơi nhiễm đơn lẻ</b>	Có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít.
<b>Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần</b>	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
<b>Nguy cơ hô hấp</b>	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
<b>Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài</b>	Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Sự xuất hiện chậm trễ của các triệu chứng và phát triển quá muộn cảm (khó thở, ho, hen suyễn) là có thể.

## 11.1.2. Hỗn hợp

Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.

## 11.1.3. Thông tin nguy hiểm

Xem Phần (2 và 3) để biết thêm thông tin.

## 11.1.4. Thông tin độc tính

Không có thông tin

## 11.1.5. Nhóm sự cố

Xem Phần (2 và 14) để biết thêm thông tin.

## 11.1.6. Triệu chứng phần loại

Dựa trên các cảnh nhắc của Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS) để phần loại hỗn hợp. Xem Phần 15 để trích dẫn quy định.

## 11.1.7. Thông tin về các tuyến đường có khả năng bị phơi nhiễm

Sâu khi tiếp xúc với mắt. Trong trường hợp tiếp xúc với da. Sâu khi hít phải. Nếu nuốt phải.

## 11.1.8. Các triệu chứng liên quan đến các đặc tính vật lý, hoá học và độc tính

Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.

## 11.1.9. Các tác dụng bị trì hoãn và ngay lập tức cũng như các tác động mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn

Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.

## 11.1.10. Hiệu ứng tương tác

## Columbiã CNA Agã

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-08-29

## 11.1.10. Hiệu ứng tương tác

Không có thông tin.

## 11.1.11. Thiệu dữ liệu cụ thể

&lt;1% hỗn hợp này bao gồm các thành phần độc tính cấp tính chưa biết.

## 11.1.12. Hỗn hợp so với thông tin chất

Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.

## 11.1.13. Thông tin khác

Không có thông tin.

## 11.2 Thông tin về các mối nguy hiểm khác

Không có thông tin.

## Phần 12. Thông tin sinh thái học

## 12.1 Độc tính

Không có thông tin

## 12.2 Tính bền vững và phân hủy

Không có thông tin.

## 12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

Không có thông tin.

## 12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

## 12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có thông tin.

## 12.6 Đặc tính phá vỡ nội tiết

Không có thông tin.

## 12.7 Các ảnh hưởng có hại khác

Dữ liệu thử nghiệm cụ thể cho các chất hoặc hỗn hợp không có sẵn.

## Thông tin khác

Tránh xa hồ, ao, hoặc suối.

## Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

## 13.1. Các phương pháp xử lý chất thải

Vứt bỏ tuân thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

## Phương pháp xử lý

Không làm nhiệm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Không xả vào nước mặt. Vứt bỏ tuân thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia.

## Xử lý bảo bì

Container không thể đổ. Không tái sử dụng đồ chứa này.  
Lưu trữ trong hộp kín bán đầu cách xa thực phẩm hoặc thức ăn.

## Thông tin khác

Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

## Phần 14. Thông tin vận chuyển

## Columbiã CNA Agã

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-08-29

## 14.1 Số UN

Sãn phẩm không đợc phãn loại là nguy hiem cho vận chuyẽn.

## 14.2 Tên vận chuyẽn thích hợp

Sãn phẩm không đợc phãn loại là nguy hiem cho vận chuyẽn.

## 14.3 Hạng

Sãn phẩm không đợc phãn loại là nguy hiem cho vận chuyẽn.

## 14.4 Nhóm đóng gói

Sãn phẩm không đợc phãn loại là nguy hiem cho vận chuyẽn.

## 14.5 môi trường độc hại

Sãn phẩm không đợc phãn loại là nguy hiem cho vận chuyẽn.

## 14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng

Sãn phẩm không đợc phãn loại là nguy hiem cho vận chuyẽn.

## 14.7 Vận tải biển số lượng lớn theo các công cụ của IMO

Sãn phẩm không đợc phãn loại là nguy hiem cho vận chuyẽn.

## Phần 15. Thông tịn pháp luật

## 15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Quy định	Thông tư số 04/2012/TT-BCT.
Danh mục hóa chất / Danh sách phải biết:	Liên hệ với SDS@neogen.com để biết thêm thông tịn. Vui lòng chỉ định quốc gia hoặc khu vực với yêu cầu của bạn.  ** Cư dân California xin lưu ý ** CẢNH BÁO: Sãn phẩm này có thể khiến bạn tiếp xúc với hóa chất, bảo gồm Nàlđixic àcid, CAS No. 389-08-2 (<0.1%), đợc biết đến với Tiệu bảng California gây ụng thư. Đề biết thêm thông tịn, hãy truy cập <a href="http://www.P65Warnings.ca.gov">www.P65Warnings.ca.gov</a> .

## Phần 16. Các thông tịn khác

## Các thông tịn khác

Phiên bản	Tài liệu này khác với phiên bản trước trong các lĩnh vực sau:. 1 - Các sử dụng đã đợc xác định và khuyến cáo. 2 - Các dấu hiệu nguy hiem khác. 7 - 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bảo gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào. 8 - 8.1 Các thông số kiểm soát. 9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học (Áp suất hóa hơi). 9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học (Độ nhớt, động lực). 9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học (Mật độ hơi tương đối). 9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học (Độ hòa tan chất béo). 9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học (Tính tan trong nước). 9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học (Ngưỡng mùi). 9 - 9.2 Các dữ liệu khác (Nhóm khí). 9 - 9.2 Các dữ liệu khác (Sức căng bề mặt). 10 - 10.4 Các điều kiện cần tránh. 15 - Danh mục hóa chất / Danh sách phải biết:.
Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn	ADR / RID: Các thỏa thuận châu Âu liên quan đến vận chuyẽn hàng hóa nguy hiem quốc tế bằng đường sắt (RID) và bằng đường bộ (ADR). CAS số: Dịch vụ tóm tắt hóa học. LỚP: Bảng phãn loại, ghi nhãn và dữ liệu an toàn của quy định về hóa chất độc hại 2013 (Mãlaysia). FIFRA: Đạo luật diệt côn trùng, diệt nấm và diệt chuột liên bang Hoả Kỳ. GHS: Hệ thống hài hòa toàn cầu.

## Columbia CNA Aggr

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-08-29

## Các thông tin khác

HCS 2012: Tiêu chuẩn truyền thông nguy hiểm của Hoả Kỳ (sửa đổi năm 2012).  
 IATA: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế.  
 ICAO: Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế.  
 IMDG: Hàng hoá nguy hiểm hàng hải quốc tế.  
 LD: Liệu gây tử vong.  
 OEL: Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.  
 OSHA: Cơ quan quản lý sức khỏe và an toàn lao động Hoả Kỳ.  
 PEL: Giới hạn phơi nhiễm cho phép.  
 REACH: Đăng ký, Đánh giá, Ủy quyền và Hạn chế Hoả chất.  
 STOT: Độc tính của cơ quan đích cụ thể.  
 SVHC: Chất gây lo ngại rất cao.  
 DOT Hoả Kỳ: Bộ Giao thông Vận tải Hoả Kỳ.  
 VOC: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi.  
 WEL: Giới hạn tiếp xúc nơi làm việc.

## Thông tin khác

**TUYÊN BỐ TỪ CHỐI:** Các thông tin và khuyến nghị được nêu trong tài liệu này ("Thông tin") được trình bày với thiện chí và được cho là chính xác kể từ ngày bản hành. Không có đại diện nào được thực hiện liên quan đến tính đầy đủ hoặc chính xác của Thông tin. Hơn nữa, do có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm này, Thông tin được cung cấp với điều kiện người đó nhận được sẽ tự quyết định về sự phù hợp của mình cho mục đích duy nhất của họ, trước khi sử dụng.

Trừ khi được quy định rõ ràng trong tài liệu này, KHÔNG CÓ ĐẢM BẢO, BẢO ĐẢM, HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, ĐẠI DIỆN HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, R EX RÀNG HOẶC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT B USNG VIỆC SỬ DỤNG SẢN PHẨM NÀY được thực hiện đối với sản phẩm này hoặc sử dụng sản phẩm này. Sản phẩm được bảo hiểm được trang bị "nguyên trạng" và chỉ tuân theo các bảo hành được cung cấp ở đây, không có trách nhiệm pháp lý nào xảy ra do việc sử dụng sản phẩm này.